

NGHỆ THUẬT MÚA DÂN GIAN DÂN TỘC MÔNG, DAO, KHƠ MÚ VÙNG TÂY BẮC: TIẾP CẬN HỆ THỐNG VÀ SO SÁNH

HOÀNG KIM ANH *

Tóm tắt: Bài viết tập trung khảo sát và phân tích nghệ thuật múa dân gian của ba dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú vùng Tây Bắc theo hướng tiếp cận hệ thống và so sánh. Dựa trên tư liệu điền dã, phỏng vấn nghệ nhân và phân tích, tổng hợp các nguồn tài liệu, bài viết làm rõ hệ thống động tác, tiết tấu âm nhạc, không gian diễn xướng, trang phục và đạo cụ - những yếu tố tạo nên bản sắc múa của từng tộc người. Kết quả cho thấy múa Mông nổi bật bởi kỹ thuật mạnh mẽ, phóng khoáng gắn với Khèn và Gậy tiền; múa Dao mang tính nghi lễ rõ nét, nổi bật với cấu trúc tiết tấu trống trong múa Chuông, luật động động tác gấp khúc, chắc khỏe; múa Khơ Mú mộc mạc, gắn với lao động và sinh hoạt cộng đồng. Bên cạnh sự khác biệt, nghệ thuật múa của cả ba dân tộc đều phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa nghệ thuật trình diễn và đời sống văn hóa, tín ngưỡng bản địa. Nghiên cứu góp phần bổ sung tư liệu khoa học về múa dân gian vùng Tây Bắc, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Múa dân gian, dân tộc Mông, dân tộc Dao, dân tộc Khơ Mú, hệ thống động tác, tiết tấu âm nhạc, không gian diễn xướng, trang phục và đạo cụ múa, văn hóa Tây Bắc, so sánh nghệ thuật múa.

Abstract: This article investigates and analyzes the folk dance traditions of the Mong, Dao, and Kho Mu ethnic groups in the Northwest region through a systematic and comparative approach. Drawing on fieldwork, interviews with artisans, and the analysis and synthesis of existing sources, the study clarifies the movement systems, rhythmic structures, performance spaces, costumes, and dance props that shape the distinctive identities of each dance tradition. The findings reveal that Mong dance is characterized by strong, dynamic techniques associated with the Khen and the Coin stick; Dao dance is highly ritualistic, distinguished by drum-based rhythmic structures in bell dances and sharp, segmented movement patterns; while Kho Mu dance is simple and earthy, closely linked to labor and community life. Despite their differences, the dances of all three groups reflect a close connection between performing arts and the cultural - spiritual life of local communities. The study contributes scientific documentation on Northwest folk dance and provides a theoretical basis for the preservation and promotion of intangible cultural heritage in the contemporary context.

Keywords: Folk dance, Mong ethnic group, Dao ethnic group, Kho Mu ethnic group, movement system, musical rhythm, performance space, dance costume and props, Northwest culture, comparative dance studies.



Đặt vấn đề

Vùng Tây Bắc không chỉ nổi tiếng với núi rừng hùng vĩ, thiên nhiên hoang sơ, mà còn là cái nôi văn hóa giàu bản sắc của cộng đồng các dân tộc thiểu số như Mông, Dao, Khơ Mú, Thái, Tày... Trong kho tàng văn hóa truyền thống phong phú đó, nghệ thuật múa dân gian giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, là hình thức nghệ thuật phản ánh đời sống tâm linh, tinh thần, lao động và sinh hoạt thường ngày của đồng bào các dân tộc nơi đây. Mỗi dân tộc đều có những điệu múa riêng, gắn liền với đời sống lao động, nghi lễ tâm linh, lễ hội cộng đồng... Nghệ thuật múa dân gian của các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú mang trong mình những đặc điểm riêng biệt nhưng lại thống nhất trong tinh thần văn hóa chung của các dân tộc Tây Bắc, thể hiện sự đa dạng trong hình thức, nội dung và phong cách biểu diễn, đồng thời minh chứng cho sức sống mãnh liệt của văn hóa dân gian vùng cao.

Tuy nhiên, những nghiên cứu về múa dân gian Mông, Dao và Khơ Mú cho đến nay chủ yếu mới dừng lại ở việc mô tả đặc điểm hoặc giới thiệu các điệu múa trong từng cộng đồng tộc người. Phần lớn các công trình chưa đi sâu hệ thống hóa chất liệu nghệ thuật múa, cũng như chưa đặt múa của ba dân tộc vào một đối sánh để nhận diện rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong cấu trúc động tác, tiết tấu, không gian diễn xướng hay chức năng văn hóa. Khoảng trống nghiên cứu này đặt ra nhu cầu cần có những tiếp cận toàn diện hơn nhằm làm rõ bản sắc nghệ thuật múa dân gian các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú trong chỉnh thể văn hóa vùng Tây Bắc.

Từ thực tế đó, bài viết tập trung vào hai mục tiêu chính: (1) Hệ thống hóa các chất liệu nghệ thuật đặc trưng trong múa dân gian của các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú; (2) Phân tích và so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa ba hệ thống múa này theo hướng tiếp cận nghệ thuật học và cấu trúc hình thể.

Những kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc nhận diện bản sắc múa dân gian vùng Tây Bắc, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Đặc trưng ngôn ngữ Múa dân gian dân tộc Mông

Nghệ thuật múa của người Mông rất phong phú, đa dạng với nhiều điệu múa dành cho cả nam và nữ như: múa Khèn, múa Khăn và múa Gậy tiền. Múa Khèn là loại hình tiêu biểu, phản ánh rõ nhất tư thế đặc trưng của múa Khèn Mông là luật động tròn và dáng khom lưng (tư thế vừa múa vừa thổi Khèn liên tục). Phong cách múa mạnh mẽ, phóng khoáng, mang tính kỹ thuật cao thể hiện qua các động tác: quay, nhảy (tại chỗ, di động), đá chân, xoay người... nhưng cũng rất uyển chuyển, nhịp nhàng trong các luật động nhún và đi. Các tổ hợp múa đưa Khèn lên - xuống, lượn sang phải, rồi trả sang trái, hoặc giữ Khèn cao trên đầu, hay nâng cao ngang vai... đều có cấu trúc, tạo hình rõ ràng. Sự hòa quyện giữa chuyển động cơ thể và âm thanh Khèn tạo nên mạch trình diễn liền mạch, giàu kỹ thuật và sức biểu cảm.

Múa Khăn thể hiện ngôn ngữ hình thể mềm mại của các cô gái Mông. Chiếc khăn được sử dụng linh hoạt, khi đặt trên vai, khi vung theo vòng tay, khi đưa theo nhịp bước hoặc tung cao tạo điểm nhấn tạo hình. Các động tác của múa Khăn kết hợp nhuần nhuyễn giữa sự mềm mại và linh hoạt, vận động theo nhịp điệu âm nhạc lúc chậm, lúc nhanh, rộn ràng.

Múa Gậy tiền của người Mông mang sắc thái hội xuân. Người múa sử dụng Gậy tiền vừa di chuyển vừa thực hiện các động tác gõ gậy vào tay, vai, lưng, đầu gối hoặc bàn chân, tạo nên chuỗi âm thanh đặc trưng, giữ nhịp cho các tổ hợp động tác. Luật động của múa Gậy tiền

khỏe khoắn, thể hiện sức trẻ và khí chất sôi nổi của các chàng trai dân tộc Mông.

Đặc trưng ngôn ngữ múa dân gian dân tộc Dao

Trong lễ hội truyền thống và các nghi lễ tín ngưỡng của người Dao, múa Chuông và múa Chũm Chọe giữ vai trò trung tâm, là thành tố không thể thiếu của không gian diễn xướng. Múa Chuông nổi bật với kỹ thuật phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa tay, chân, thân trên, đầu và ánh mắt trong quá trình chuyển phương hướng liên tục. Đặc điểm kỹ thuật của múa Chuông thể hiện ở luật động loi, ngắt, dừng đột ngột, đa số các bước chuyển tiếp bằng những bước lặt, cắt để dẫn đến các tư thế gấp khúc, chắc khỏe. Đạo cụ chính gồm chuông và phách: tay phải cầm chuông đặt trước bụng để giữ nhịp, thực hiện các động tác lắc, vẩy, quay chuông; tay trái cầm phách dùng để đánh lên - xuống và đưa phách ra trước - sau. Luật động chân đa dạng với các kiểu: nhún đơn, nhún nhôi (nhún đúp), bước kép, nhảy tại chỗ và nhảy chân sáo, tạo nên tiết tấu múa chắc khỏe.

Chũm Chọe vừa là nhạc cụ vừa là đạo cụ múa. Hai tay người múa vỗ Chũm Chọe vào nhau, lúc đưa cao, khi bặt xuống hoặc chao lượn theo đường cong, tạo nên hiệu quả thị giác sinh động đồng thời phát ra chuỗi âm thanh tiết tấu đặc trưng. Sự kết hợp giữa động tác và âm thanh khiến nhịp múa trở nên rộn rã, thúc đẩy cảm xúc hưng phấn của cả người múa lẫn người xem. Điệu múa Chũm Chọe “Bắt Rùa” mô phỏng quá trình săn bắt, tái hiện nhịp sống lao động mộc mạc của cộng đồng người Dao. Tính chất hồn nhiên, vui tươi và tính biểu cảm trực quan khiến điệu múa trở nên quen thuộc, được yêu thích rộng rãi trong cộng đồng. Với chức năng nghi lễ, điệu múa còn là hình thức dâng lễ, bày tỏ sự tri ân với trời đất, Thủy tổ Bàn Vương và gia tiên trong các dịp trọng lễ của người Dao.

Đặc trưng ngôn ngữ múa dân gian dân tộc Khơ Mú

Múa Khơ Mú mang tính mộc mạc, giản dị và gắn chặt với sinh hoạt lao động và đời sống cộng đồng. Ngôn ngữ động tác chủ yếu mô phỏng quá trình dựng nhà như: đo đất, nện đất, chẻ lạt, buộc lạt hay lợp mái. Điệu múa “Mừng nhà mới” tiêu biểu cho phong cách này, với tính chất khỏe khoắn, dứt khoát và không khí vui tươi, thể hiện tinh thần lạc quan, yêu cuộc sống và yêu lao động.

Về kỹ thuật, luật động chân nhảy chắc, nện hơi mạnh tạo tiếng động rõ trên sàn, gợi hình ảnh công việc nện đất. Động tác tay được thực hiện sắc và gọn, với kỹ thuật lắc bàn tay sấp, ngửa theo chùm ba nhịp (1 và 2), phối hợp hài hòa với chuyển động thân trên và bước nhích gót; các tổ hợp động tác như nện đất, đo đất (a, b) và chẻ lạt được thể hiện rõ nét. Phần lưng nhấn cong - võng, kết hợp động tác đẩy hông và gập thân trước tạo nên đặc trưng tạo hình riêng trong các động tác: đi lên cầu thang, đánh néo, ném tranh. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa chân, tay, thân trên tạo nên một hệ thống động tác đặc thù, phản ánh tinh thần và đời sống lao động của người Khơ Mú.

Hệ thống âm nhạc đệm cho múa

Âm nhạc múa Mông lấy Khèn là nhạc cụ trung tâm vừa là nhạc cụ vừa là đạo cụ múa, tạo âm sắc du dương, sâu lắng, khi trầm buồn tha thiết, khi rộn ràng sôi nổi. Người biểu diễn vừa thổi khèn vừa múa, tạo nên sự hòa quyện giữa âm thanh và chuyển động cơ thể. Trong một số bối cảnh lễ hội hoặc trình diễn sân khấu, âm nhạc còn được hỗ trợ bằng trống, sáo trúc, thanh la hay chũm chọe nhằm tăng tính nhịp điệu và làm phong phú không gian âm thanh.

Âm nhạc trong múa Dao chủ yếu dựa trên hệ thống tiết tấu gõ, trong đó trống giữ vai trò dẫn nhịp, tạo nên âm thanh trầm vang và trang nghiêm; chuông là đạo cụ – nhạc cụ trung

tâm, tạo âm sắc trong treo, ngân dài; thanh la (chiêng) phối hợp để tạo lớp âm thanh vang vọng, tăng tính huyền linh của nghi lễ. Ở một số ngành Dao, khèn, sáo hoặc pí lè được bổ sung nhằm tăng độ biểu cảm. Múa Chuông sử dụng các mô hình tiết tấu, chẵn: 2/4, 4/4; tiết tấu lẻ: 5/4, 7/4, 9/4, phù hợp với kết cấu luật động của các tổ hợp múa. Bên cạnh nhạc khí, múa Dao còn sử dụng câu hô và bài hát ngắn làm tiết tấu thay thế nhạc đệm. Người múa vừa hô - hát vừa thực hiện động tác, thể hiện tinh thần mộc mạc, chân thành và khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Âm nhạc trong múa Khơ Mú dựa trên tiết tấu trống mang tính dẫn nhịp, với mô hình tiết tấu chòm ba tạo mạch vận động khỏe khoắn. Trong các điệu “Mừng Nhà Mới” hay “Tăng bǎng”, âm thanh gõ của ống tre khi dễ xuống đất trở thành nhịp đệm tự nhiên cho các động tác nhún, xoay, nhảy và đánh hông, đồng thời hòa cùng tiếng hô và tiếng reo của người dân, tạo nên bầu không khí sôi nổi, rộn ràng, phản ánh sự gắn kết của đời sống sinh hoạt cộng đồng.

Không gian diễn xướng

Múa Mông, Dao và Khơ Mú gắn bó chặt chẽ với các không gian diễn xướng bản địa như lễ hội cộng đồng, nghi lễ tín ngưỡng, sinh hoạt lao động và các sự kiện văn hóa.

Người Mông múa trong các lễ hội Gầu Tào, hội xuân, chợ tình lễ cưới và cả trong tang lễ; với chức năng chuyển tải thông điệp tâm linh và gắn kết cộng đồng; không gian thường là ở sân bản, bãi đất rộng, sườn đồi thoải thoải hoặc bãi cỏ.

Người Dao múa trong lễ Tết Nhảy, lễ Cấp Sắc, lễ cúng Bàn Vương; không gian chủ yếu là trước gian thờ, sân lễ hoặc khu vực hành lễ mang ý nghĩa linh thiêng, kết nối con người với tổ tiên.

Người Khơ Mú múa trong lễ Mừng Nhà Mới, hội mùa, lễ cầu phúc; thường diễn ra ở sân bản, trước nhà mới hoặc không gian sinh hoạt

chung của cộng đồng. Các điệu múa mô phỏng lao động diễn ra trong sinh hoạt thường ngày và lễ nghi sản xuất, mang tính cộng đồng cao.

Trang phục và đạo cụ múa

Trang phục múa Mông rực rỡ, đậm sắc màu thổ cẩm, những chiếc váy nhiều ly xếp, xòe rộng, chân đi xà cạp, có nhiều chi tiết trang trí bằng bạc. Đạo cụ gồm: Khăn, tạo nên vẻ mềm mại và duyên dáng qua các động tác đặt vai, vung vòng, đung đưa hoặc tung cao; Khèn giúp định hình phong cách mạnh mẽ, phóng khoáng của múa nam thông qua các tổ hợp đưa - lượn - nâng hỗ trợ kỹ thuật nhảy, xoay; Gậy tiền được gắn đồng xu để tạo âm thanh leng keng khi gõ vào tay, vai, chân, làm nổi bật tính vui hoạt, khỏe khoắn trong các điệu múa hội xuân; Đạo cụ Ô gắn tôn lên vẻ e ấp, tinh tế của nữ giới, đồng thời làm phong phú tạo hình trong không gian lễ hội và chợ tình. Hệ thống đạo cụ này không chỉ góp phần tạo nhịp, tạo hình mà còn phản ánh sâu sắc đời sống văn hóa và thẩm mỹ của người Mông.

Trang phục múa của người Dao là trang phục truyền thống của từng nhóm, thể hiện sự đa dạng thẩm mỹ nội tộc: Dao Đỏ rực rỡ với thêu đỏ tinh xảo; Dao Tiền đặc trưng bởi hàng đồng xu bạc; Dao Quần Trắng dùng yếm lớn và váy trắng; Dao Quần Chẹt mặc quần bó và áo ngắn thêu hình học; Dao Thanh Y mặc áo dài không khuy với quần cộc và xà cạp; Dao Áo Dài (Dao Tuyên) có áo dài cầu kỳ và mũ độc đáo; Dao Lô Gang nhận diện với đầu cạo và khăn đỏ nhiều lớp.

Đạo cụ múa gồm ba loại chính: Chuông và phách: Chuông bằng đồng, khi múa lắc Chuông tạo âm thanh; phách là thanh gỗ dài buộc tua nhiều màu sắc. Hai đạo cụ kết hợp tạo nhịp và điểm nhấn thị giác trong múa Chuông; Chũm chọe vừa là đạo cụ và là nhạc cụ: Cặp Chũm chọe bằng đồng/hợp kim, khi vỗ vào nhau tạo âm thanh tiết tấu rộn ràng.; Gậy tiền

là chiếc gậy trúc được gắn các đồng xu/miếng kim loại để tạo tiếng leng keng khi múa, góp phần tăng nhịp tính và hiệu ứng âm thanh trong trình diễn. Các đạo cụ này vừa hỗ trợ tạo hình múa, vừa giữ vai trò nghi lễ quan trọng, góp phần tạo nên sắc thái linh thiêng và trang trọng đặc trưng của múa Dao.

- Múa Khơ Mú: Trang phục múa của người Khơ Mú mang tính giản dị, gắn với chất liệu bản địa, họa tiết tự nhiên (mặt trời, mặt trăng, thú rừng và các loài hoa rừng) Khăn đội đầu (Rơ vót) màu xanh thẫm, thêu hoa văn đỏ nổi bật, tạo điểm nhấn âm áp. Đạo cụ gồm trống, chiêng, chày giã gạo, và ống tre Tăng bằng, phản ánh đời sống lao động.

Đạo cụ múa của các dân tộc góp phần giúp các điệu múa thêm phong phú về luật động, tạo hình, tăng phần kỹ thuật động tác, tính chất, sắc thái biểu cảm của người thực hiện và mang một không gian hiện thực (ước lệ) đến với người xem.

Qua hệ thống hóa các chất liệu nghệ thuật, có thể thấy múa dân gian của ba dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú vừa mang tính thống nhất về nền tảng văn hóa chung, vừa thể hiện sự đa dạng rõ nét trong ngôn ngữ động tác, nhịp điệu, trang phục, đạo cụ và không gian trình diễn.

Sự tương đồng của nghệ thuật múa dân gian các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú

Tương đồng về vùng cư trú

Các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú cùng cư trú tại các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu thuộc vùng Tây Bắc Việt Nam.

Người Mông chiếm dân số khá lớn tại các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Lai Châu và Yên Bái

Người Dao cư trú tập trung nhiều nhất ở Lào Cai và Yên Bái, rải rác sống ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu

Người Khơ Mú chiếm tỉ lệ dân số ít nhất ở các tỉnh vùng Tây Bắc, họ cư trú chủ yếu ở Điện Biên.

Tương đồng về không gian trình diễn

Không gian trình diễn múa dân gian của các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú gắn liền với đời sống văn hóa, tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng. Múa không tồn tại như một hình thức *độc lập mà được thực hành trong những bối cảnh xã hội cụ thể, phản ánh cấu trúc văn hóa của từng tộc người.*

Người Mông, các điệu múa Khèn, múa Khăn, múa Ô và múa Gậy tiền xuất hiện chủ yếu trong lễ hội mùa xuân, lễ Gầu Tào và các phiên chợ tình; Người Dao thực hành múa trong những không gian thiêng, gắn với các nghi lễ như Tết Nhảy, Cắp Sắc hay lễ cúng Bàn Vương;

Người Khơ Mú, múa gắn với sinh hoạt lao động và vui chơi cộng đồng. Các điệu múa như Mừng Nhà Mới, Hưn Mạy, Tăng Bu, Tăng Bằng... được trình diễn tại sân bản hoặc nương rẫy, phản ánh sự mộc mạc và tính cộng đồng cao.

Trong bối cảnh hiện nay, múa dân gian của ba dân tộc tiếp tục được duy trì thông qua lễ hội văn hóa, sinh hoạt tín ngưỡng và các chương trình bảo tồn, góp phần giữ gìn và lan tỏa giá trị nghệ thuật truyền thống.

Sự khác biệt của nghệ thuật múa dân gian các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú

Mỗi dân tộc có một hệ thống gồm các phần múa và động tác múa khác nhau. Tuy người Mông, Dao và Khơ Mú là các dân tộc thiểu số nhưng họ có rất nhiều điệu múa đặc sắc với kỹ thuật múa khó, mang đặc trưng của các dân tộc vùng cao.

Từ bảng so sánh, có thể thấy phong cách múa Mông thiên về sức mạnh và sự phóng khoáng; múa Dao đề cao tính nghi lễ và biểu trưng; múa Khơ Mú mộc mạc, gắn với lao động. Những khác biệt này phản ánh cấu trúc xã hội, môi trường sinh sống và quan niệm thẩm mỹ của từng tộc người.

Đặc điểm	Dân tộc Mông	Dân tộc Dao	Dân tộc Khơ Mú
Hệ thống múa	Hệ thống múa gồm 3 phần: múa Khăn, múa Khèn, múa Gậy tiên, với kỹ thuật động tác phong phú, linh hoạt và phóng khoáng.	Hệ thống múa gồm 3 phần: múa Chuông, múa Chũm chọe, múa Trống, nhấn mạnh tính nghi lễ và tiết tấu đặc trưng.	Hệ thống múa gồm 2 nhóm chính: múa trong sinh hoạt lao động (Mừng Nhà Mới) và múa vui chơi cộng đồng (Au eo, Tăng bu, Tăng bãng, Cống tốp...), mang phong thái mộc mạc, hồn nhiên.
Phong cách múa	+ Múa nữ uyển chuyển, linh hoạt, múa nam với luật động tròn, thân trên cúi khom lưng như vừa múa vừa thổi Khèn. + Múa Khèn thể hiện phong cách mạnh mẽ, phóng khoáng, nhiều kỹ thuật quay, nhảy khó những vẫn uyển chuyển, nhịp nhàng	+ Múa Chuông với kỹ thuật chân nhún đúp (nhồi), luật động múa lơ, ngắt, dừng đột ngột để dẫn đến những tư thái tĩnh gấp khúc, chắc, khỏe + Phong cách, tính chất múa vui hoạt, hồn nhiên trong điệu múa Chũm Chọe “Bắt Rùa”. + Điệu múa Chuông mang tính nghi lễ, có sự kết hợp giữa động tác và đạo cụ nghi lễ.	+ Múa gắn với sinh hoạt lao động và vui chơi; tính chất hồn nhiên, mộc mạc, lạc quan, yêu đời. + <i>Điệu múa phản ánh đời sống nông nghiệp và tinh thần cộng đồng.</i>

Kết luận

Nghệ thuật múa của các dân tộc Mông, Dao và Khơ Mú vừa mang những đặc trưng riêng biệt, vừa chia sẻ nhiều điểm chung của văn hóa vùng núi Tây Bắc. Sự khác nhau thể hiện rõ qua hệ thống động tác, phong cách biểu hiện, tính ngẫu hứng, trang phục, đạo cụ và âm nhạc đệm: người Mông phóng khoáng, mạnh mẽ với kỹ thuật múa đa dạng và nhiều biến thể; người Dao thiên về múa nghi lễ với tiết tấu trống đặc trưng và yếu tố nhập hồn mang tính linh thiêng; trong khi múa Khơ Mú mộc mạc, hồn nhiên, gắn chặt với sinh hoạt lao động và không gian cộng đồng.

Bên cạnh sự khác biệt, cả ba tộc người đều thể hiện mối quan hệ hòa hợp giữa múa, âm nhạc, trang phục và đạo cụ; đồng thời gắn bó mật thiết với nghi lễ, đời sống cộng đồng và

tính truyền đời. Điều này cho thấy nền tảng văn hóa chung của cư dân vùng Tây Bắc, đồng thời phản ánh cấu trúc xã hội, môi trường sinh sống và thế giới quan riêng của từng cộng đồng.

Việc hệ thống hóa và so sánh chất liệu múa không chỉ góp phần khẳng định giá trị nghệ thuật của múa dân gian Mông, Dao và Khơ Mú mà còn nhấn mạnh yêu cầu bảo tồn dựa trên sự hiểu đúng bản chất, tiếp cận khoa học và tôn trọng những dị biệt văn hóa. Đây là cơ sở quan trọng cho việc khai thác các giá trị truyền thống trong sáng tạo nghệ thuật, giảng dạy và phát triển múa dân gian trong bối cảnh đương đại; đồng thời giúp nâng cao nhận thức về tính đa dạng và bản sắc của nghệ thuật múa các dân tộc Tây Bắc.

Trong tương lai, các hướng nghiên cứu có thể mở rộng sang khảo sát sự biến đổi của múa

dân gian trong đời sống hiện đại, nghiên cứu kỹ hiệu học đối với các động tác mang tính biểu trưng, hoặc so sánh liên vùng với những dân

tộc khác ở khu vực miền núi phía Bắc nhằm góp phần hoàn thiện bản đồ văn hóa múa dân gian Việt Nam.

** Thạc sĩ, Giảng viên khoa Múa, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Kim Anh (2022), *Giáo trình múa dân gian dân tộc Kinh, Lô Lô, Tày, H'Mông*, NXB. Văn học, Hà Nội.
2. Hoàng Hữu Bình (1998), *Các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam và môi trường*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Trần Văn Bính (2004), *Văn hoá các dân tộc Tây Bắc thực trạng và những vấn đề đặt ra*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Ngọc Bình (2001), *Đời sống văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB. Hà Nội.
5. Lê Ngọc Canh (1997), *Khái luận nghệ thuật múa*, NXB. VHTT, Hà Nội.
6. Lê Ngọc Canh (1998), *Múa tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, NXB. Khoa học Xã hội, HN
7. Lê Ngọc Canh (2002), *Đại cương Nghệ thuật múa*, NXB. VHTT, Hà Nội.
8. Lê Ngọc Canh (2008), *Lịch sử Nghệ thuật múa Việt Nam*, NXB. Văn hóa dân tộc, HN
9. Nguyễn Mai Hương, Hoàng Kim Anh (2022), *Giáo trình múa dân gian dân tộc Dao*, NXB. Văn học, Hà Nội.
10. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội.
11. Nguyễn Thịnh (2013), *Di sản văn hóa Việt Nam: bản sắc và những vấn đề về quản lý bảo tồn*, NXB. Xây dựng, Hà Nội.

Ngày nhận được bài: 24/02/2026; Ngày nhận xét, phản biện: 02/3/2026;

Ngày chấp nhận đăng: 06/3/2026; Ngày đăng: 25/3/2026